TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải.

Bà Lê Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Hồng T**, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Từ Minh S**, sinh năm 1990;
Địa chỉ: 1 N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà T, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2025 và các lời trình bày của bà Trần Thị Hồng T có nội dung:

Năm 2021, bà T quen biết và kết hôn với ông Từ Minh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông S chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà T và

ông S không còn chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: bà và ông S có 01 con chung tên Từ Minh V sinh ngày 16/12/2021. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/7/2025, bà T có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Từ Minh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Từ Minh S đã được Tòa án thực hiện tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng ông S do đang thực hiện việc cai nghiện ma tuý tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 02 xã T, tỉnh Tây Ninh nên không thể đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Ông S cũng đã có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T và đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng con chung. Đồng thời ông cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: ông S và bà T có 01 con chung, bà T đề nghị được nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Từ Minh S có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng T, Bị đơn là ông Từ Minh S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập các đương sự đến các phiên tòa sơ thẩm. Ông S và bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng T và ông Từ Minh S tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Long An năm 2021 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông và ông cũng đồng ý lý hôn. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông S đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông S theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà T và ông S có 01 con chung tên Từ Minh V sinh ngày 16/12/2021. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Ông S cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do bà T không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông S cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5] Ông S được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông S, bà T có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Hồng T và ông Từ Minh S.

2. Về con chung: Giao một (01) con chung tên Từ Minh V sinh ngày 16/12/2021 cho bà Trần Thị Hồng T nuôi dưỡng. Ông Từ Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Từ Minh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Từ Minh S, bà Trần Thị Hồng T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000078 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh) thành án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSND cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh